

Bản án số: 144/2018/HS-PT

Ngày: 30-03-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Việt Tiên

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Uyên Thy

2. Ông V2 Văn Lê

T2 ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Kiều Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Th Xuân – Kiểm sát viên

Ngày 30/3/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 56/2018/TLPT -HS, ngày 30 tháng 1 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Đức T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Thúy H, Huỳnh Thị D, Ngô Ngọc P2, Nguyễn Thị Hồng Y, Trương Minh V2 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 349/2017/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo:

1/ Phạm Đức T (tên gọi khác: B), giới tính: N; sinh năm: 1985, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 15X/X/4X L.L.Q, Phường X, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Số 1X Khu B.H, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T. Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2017, đến ngày 01/9/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

2/Phạm Hoài N (tên gọi khác: Vũ L), giới tính: N; sinh ngày 15/3/1995, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 43X/2X/4X Phú Đ, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 11/12. Con ông Phạm Đức T và bà Phạm Thị Kim T. Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/4/2017, đến ngày 13/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

3/Cao Thị Thùy C, giới tính: Nữ; sinh năm: 1981, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số X/X Ấp X, xã Tân Q.T, huyện B.C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 5/12. Con ông Cao Văn L và bà Trần Thị H. Chồng tên: Huỳnh Công Ng (sinh năm: 1976, đã ly hôn). Con: Có 01 người con sinh năm 2001. Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2017. Bị cáo được tuyên trả tự do ngày 19/12/2017 theo bản án số bản án hình sự sơ thẩm số 346/2017/HS-ST.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

4/Lê Thị Ngọc L, giới tính: Nữ; sinh năm: 1981, tại: Bến Tre. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 44X/4X P.Đ, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ văn hóa: 6/12. Con ông Lê Hoàng S và bà Võ Thị L. Chung sống như vợ chồng với Nguyễn T3 H (sinh năm: 1964). Con: Có 01 người con sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/4/2017, đến ngày 12/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

5/Trần Thị Minh T1, giới tính: Nữ; sinh năm: 1977, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 11XA P.Đ, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông Trần Quốc T và bà Kiều Thị T. Chồng tên: Trương Mạnh L (sinh năm: 1973). Con: Có 01 người con sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/4/2017, đến ngày 12/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

6/Huỳnh Thị S, giới tính: Nữ; sinh năm: 1936, tại: Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 10X/X P.Đ, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 01/12. Con ông Huỳnh Văn H và bà Phạm Thị C. Chồng tên: Tăng P. Con: Có 04 người con (lớn nhất sinh năm 1960, nhỏ nhất sinh năm 1975). Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/4/2017, đến ngày 06/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

7/Bùi Anh T2, giới tính: Nữ; sinh năm: 1960, tại: Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 43X/2X P.Đ, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ văn hóa: 8/12. Con ông Bùi Ngọc D và bà Trần Thị T. Chồng tên: Nguyễn Văn M (sinh năm 1960, đã ly hôn). Con: Có 01 người con sinh năm 1983. Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2017, đến ngày 05/5/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

8/Bùi Xuân Đ, giới tính: Nữ; sinh năm: 1966, tại: Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 43X/1X Khu B.H, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông Bùi Ngọc D1 và bà Trần Thị T1. Chồng tên: La Quang T (sinh năm: 1959). Con: Có 02 người con (sinh năm 1992 và 1996). Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2017, đến ngày 13/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

9/Nguyễn Thị Tiến M, giới tính: Nữ; sinh năm: 1982, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 11X/2X P.Đ, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm công. Trình độ văn hóa: 6/12. Con ông Nguyễn Văn L và bà Danh H. Chồng tên: Vang Th B (sinh năm: 1979). Con: Có 02 người con (sinh năm 2005 và 2008). Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/4/2017, đến ngày 13/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

10/Nguyễn Thị P, giới tính: Nữ; sinh năm: 1973, tại: Long An. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 10X P.Đ, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm công. Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị D. Chồng tên: Nguyễn Hoàng H (sinh năm: 1969). Con: Có 02 người con (sinh năm 1997 và 2003). Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2017. Bị cáo được tuyên trả tự do ngày 19/12/2017 theo bản án số bản án hình sự sơ thẩm số 346/2017/HS-ST (Có mặt). Bị cáo tại ngoại (có mặt)

11/ La Quang P1, giới tính: N; sinh năm: 1992, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 43X/1X Khu B.H, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm công. Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông La Quang T1 và bà Bùi Xuân Đ1. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/4/2017, đến ngày 13/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

12/Lê Thị Kim V, giới tính: Nữ; sinh năm: 1978, tại: Long An. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Tân A, xã Tân H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở: Số 43X/2X P.Đ, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm công. Trình độ văn hóa: 7/12. Con ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị A. Chồng tên: Ngô Nguyễn Hoàng T (sinh năm: 1973). Con: Có 02 người con (sinh năm 2003 và 2012). Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2017, đến ngày 01/9/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

13/Lê Thị Thúy H (tên gọi khác: Ph), giới tính: Nữ; sinh năm: 1981, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 1XC Khu B.H, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm công. Trình độ văn hóa: 5/12. Con ông Lê Văn M và bà Lê Thị L. Chồng tên: Đặng Thanh T (sinh năm: 1975). Con: Có 01 người con sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/4/2017, đến ngày 12/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

14/Huỳnh Thị D (tên gọi khác: Kim Hoa), giới tính: Nữ; sinh năm: 1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh). Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 10XX/1X Lò G, Phường X, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Số XD P.Đ, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 10/12. Con ông Huỳnh Văn N và bà Nguyễn Thị Kim H. Chồng tên: Nguyễn Thành L (sinh năm: 1970, đã ly hôn). Con: Có 01 người con sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/4/2017, đến ngày 12/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

15/Ngô Ngọc P2, giới tính: Nữ; sinh năm: 1966, tại: Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số XC P.Đ, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Hoa. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ văn hóa: 5/12. Con ông Ngô H và bà Đặng Thị N. Chồng tên: Nhiều T3 K (sinh năm: 1965). Con: Có 01 người con (sinh năm: 1997). Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/4/2017, đến ngày 12/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

16/Nguyễn Thị Hồng Y, giới tính: Nữ; sinh năm: 1989, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 31X Lưu H.P, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ văn hóa: 6/12. Con ông Phạm Văn O và bà Nguyễn Thị G. Chung sống như vợ chồng với Nguyễn Phong V(sinh năm: 1992). Con: Có 02 người con (sinh năm 2012 và 2015). Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/4/2017, đến ngày 06/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

17/Trương Minh V2, giới tính: N; sinh năm: 1986, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số N3X/1X cư xá Phú L.A, Phường 1X, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Số 11X/1X/XA P.Đ, Phường 1X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông Trương Văn

T và bà Hứa Ngọc H. Vợ tên: Lê Thị Thắm Thúy H (sinh năm: 1986). Con: Có 02 người con (sinh năm 2008 và 2010). Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/4/2017, đến ngày 12/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Hiện bị cáo tại ngoại có mặt).

NỘI D CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 15 phút, ngày 03/4/2017, Phòng PC45 (Đội 5) Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp cùng Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Quận 8 và Công an phường 16, Quận 8 bắt quả tang tại nhà số 17 Khu Bờ Hàng, Phường 16, Quận 8 các đối tượng gồm: Phạm Đức T (còn gọi là B) cùng Phạm Hoài N đang tổ chức cho Lê Văn Th, Cao Thị Thùy C, Lê Thị Ngọc L, Trần Thị Minh T1, Huỳnh Thị S, Lê Thị Thúy H, Bùi Anh T2, Bùi Xuân Đ, Huỳnh Thị D, Ngô Ngọc P2, Nguyễn Thị Tiến M, Trần Thị Cẩm V1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thị Hồng Y, Nguyễn Thị P, La Quang P1, Lê Thị Kim V và Trương Minh V2 đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào được thua bằng tiền. Vật chứng thu giữ gồm: 11 bộ bài tây loại 52 lá (có 01 bộ đang sử dụng và 10 bộ đã cũ, 01 tấm nylon dùng làm chiếu bạc, tiền tại chiếu bạc là 6.800.000 đồng, tiền xâu để trong lon nhựa là 500.000 đồng, tiền thu giữ trong người các con bạc và Phạm Đức T là 81.130.000 đồng (trong đó thu giữ của T là 1.100.000 đồng). Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Phạm Đức T và Phạm Hoài N khai nhận: Từ ngày 25/3/2017, T tổ chức cho các con bạc đánh bài cào ăn tiền để lấy tiền xâu tại nhà số 17 khu Bờ Hàng, Phường 16, Quận 8. T thuê cháu ruột là Phạm Hoài N phụ giúp bán nước uống phục vụ cho các con bạc (nước uống do T bỏ tiền mua trước) và được T sử dụng tiền xâu trả công từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/ngày, tiền lời bán nước uống cho các con bạc thì N được hưởng riêng. Khoảng 21 giờ ngày 03/4/2017, T tổ chức cho Lê Văn Th làm cái đánh bài cào 03 lá ăn tiền với khoảng 16 con bạc, mỗi ván bài các con bạc đặt tiền từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng/tụ và trực tiếp thắng thua với Th. Theo quy định, cứ mỗi ván làm cái thắng thì Th bỏ tiền xâu 50.000 đồng vào 01 cái lon nhựa, để khi kết thúc T sẽ lấy tiền xâu. Sòng bài hoạt động từ khoảng 21 giờ đến rạng sáng ngày hôm sau, nhưng có ngày chơi, ngày nghỉ. Đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày 03/4/2017, khi Th đang làm cái để ăn thua với 16 con bạc thì bị Công an phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng như trên. T thu lợi từ việc lấy tiền xâu từ 500.000 đồng đến 1.200.000 đồng/ngày. Trong thời gian tổ chức đánh bạc, T thu lợi khoảng 8.500.000 đồng. N thu lợi khoảng 490.000 đồng (trong đó số tiền được T trả công là 450.000 đồng, tiền lời bán nước là 40.000 đồng).

Các đối tượng tham gia đánh bạc gồm:

- Lê Văn Th khai: Ngày 03/4/2017, Th mang theo 7.000.000 đồng, cùng với Cao Thị Thùy C đến nhà T tham gia đánh bài cào 03 lá được thua bằng tiền.

Th trực tiếp làm cái ăn thua với các con bạc đặt tiền từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng/tụ. C có nhiệm vụ theo dõi giám sát các con bạc có gian lận hay không rồi báo cho Th biết. Đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày 03/4/2017, khi Th đang làm cái bài cào 03 lá để ăn thua với 16 con bạc thì bị bắt quả tang, lúc này Th thua 2.500.000 đồng. Thu giữ của Th 01 điện thoại di động hiệu HTC màu trắng và số tiền 4.500.000 đồng.

- Cao Thị Thùy C khai: Ngày 03/4/2017, Th rủ C vào nhà 17 khu Bờ Hàng, Phường 16, Quận 8 để tham gia đánh bài ăn tiền thì C đồng ý. Th đứng ra làm cái bài cào ăn thua trực tiếp với 16 con bạc đặt tiền từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng/tụ. Còn C có nhiệm vụ giúp Th quan sát các con bạc đặt tiền và coi các con bạc có chơi gian lận hay không rồi báo cho Th biết. Mặc dù không hứa hẹn chia tiền với nhau, nhưng nếu thắng thì Th và C sử dụng số tiền thắng đi ăn uống chung. Thu giữ của C 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu vàng.

- Lê Thị Ngọc L khai: Ngày 03/4/2017, L mang theo 900.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia đặt nhiều ván bài, L thua 500.000 đồng, khi L đặt tụ bài 400.000 đồng, Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của L 01 điện thoại di động Nokia màu vàng.

- Trần Thị Minh T1 khai: Ngày 03/4/2017, Tâm mang theo 5.200.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia đặt ván đầu tiên 200.000 đồng (Huỳnh Thị S ké 200.000 đồng thành tụ 400.000 đồng), Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của Tâm 01 điện thoại di động hiệu FPT màu đỏ và số tiền 5.000.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Huỳnh Thị S khai: Ngày 03/4/2017, S mang theo tiền (bao nhiêu không rõ) để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia chơi ké nhiều ván, khi S ké 200.000 đồng vào tụ của Trần Thị Minh T1 thành tụ 400.000 đồng, Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của S số tiền 3.900.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Lê Thị Thuý H khai: Ngày 03/4/2017, H mang theo 8.200.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia đặt nhiều ván bài, H thua 1.600.000 đồng, khi H đặt tụ bài 400.000 đồng, Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của H số tiền 6.200.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Bùi Anh T2 khai: Ngày 03/4/2017, T2 mang theo 10.000.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia đặt ván đầu tiên 100.000 đồng (ké tụ của Bùi Xuân Đ 100.000 đồng thành tụ 200.000 đồng), Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của T2 số tiền 9.900.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Bùi Xuân Đ khai: Ngày 03/4/2017, Đ mang theo 1.500.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia chơi nhiều ván, khi Đ đặt ván 100.000 đồng (Bùi Anh T2 ké 100.000 đồng thành tụ 200.000 đồng), Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Không thu giữ gì của Đ.

- Huỳnh Thị D khai: Ngày 03/4/2017, D mang theo 7.700.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia chơi nhiều ván, khi D đặt ván 200.000 đồng (ké tụ của Ngô Ngọc P2 200.000 đồng thành tụ 400.000 đồng), Th chưa

chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của D 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng và số tiền 7.500.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Ngô Ngọc P2 khai: Ngày 03/4/2017, P2 mang theo 5.000.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia chơi nhiều ván, khi P2 đặt ván 200.000 đồng (Huỳnh Thị D ké 200.000 đồng thành tụ 400.000 đồng), Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của P2 số tiền 6.100.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Nguyễn Thị Tiến M khai: Ngày 03/4/2017, M mang theo 4.670.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia chơi nhiều ván, M thua 1.400.000 đồng, khi M đặt tụ bài 200.000 đồng, Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của M số tiền 3.070.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Trần Thị Cẩm V1 khai: Ngày 03/4/2017, V1 mang theo 3.560.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia chơi nhiều ván, V1 thắng 500.000 đồng, khi V1 đặt tụ bài 100.000 đồng, Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của V1 số tiền 3.960.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Nguyễn Văn T3 khai: Ngày 03/4/2017, T3 mang theo 800.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia chơi nhiều ván, T3 thua 400.000 đồng, khi T3 đặt tụ bài 100.000 đồng, Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của T3 số tiền 300.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Nguyễn Thị Hồng Y khai: Ngày 03/4/2017, Y mang theo 800.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia chơi nhiều ván, Y thắng 800.000 đồng, khi Y đặt tụ bài 200.000 đồng, Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của Y 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen và số tiền 1.400.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Nguyễn Thị P khai: Ngày 03/4/2017, P mang theo 7.000.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia chơi nhiều ván, P thắng 3.500.000 đồng, khi P đặt tụ bài 200.000 đồng, Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của P 01 điện thoại di động Nokia 106 màu đỏ đen và số tiền 10.300.000 đồng dùng để đánh bạc.

- La Quang P1 khai: Ngày 03/4/2017, P2 mang theo 800.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia chơi nhiều ván, khi P2 đặt ván 100.000 đồng (hùn với tụ bài của Lê Thị Kim V 100.000 đồng thành tụ 200.000 đồng), Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của P2 01 điện thoại di động hiệu HTC màu xanh và số tiền 700.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Lê Thị Kim V khai: Ngày 03/4/2017, V mang theo 4.000.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia chơi nhiều ván, khi V đặt 100.000 đồng (hùn với tụ bài của Lê Quang P2 100.000 đồng thành tụ 200.000 đồng), Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của V 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu vàng đen và số tiền 4.200.000 đồng dùng để đánh bạc.

- Trương Minh V2 khai: Ngày 03/4/2017, V2 mang theo 14.000.000 đồng để đánh bài cào 3 lá ăn tiền và tham gia chơi nhiều ván, khi V2 đặt tụ bài 400.000 đồng, Th chưa chia bài thì bị bắt quả tang. Thu giữ trong người của V2

01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu vàng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 112 và số tiền 13.000.000 đồng dùng để đánh bạc.

Ngoài ra, cơ quan Công an còn thu giữ của T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu đen; thu giữ của N 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu hồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 346/2017/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Phạm Đức T (tên gọi khác: B), Phạm Hoài N (tên gọi khác: Vũ L); phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tuyên bố các bị cáo: Cao Thị Thùy C, Lê Thị Ngọc L, Trần Thị Minh T1, Huỳnh Thị S, Lê Thị Thúy H (tên gọi khác: Phúc), Bùi Anh T2, Bùi Xuân Đ, Huỳnh Thị D (tên gọi khác: Kim H), Ngô Ngọc P2, Nguyễn Thị Tiến M, Nguyễn Thị Hồng Y, Nguyễn Thị P, La Quang P1, Lê Thị Kim V và Trương Minh V2 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 249; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Khoản 1, Khoản 2 Điều 60; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

1/ Xử phạt: Bị cáo Phạm Đức T (tên gọi khác: B) 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính kể từ ngày tuyên án 19/12/2017. (Bị cáo Phạm Đức T (tên gọi khác: B) được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 01/9/2017).

2/ Xử phạt: Bị cáo Phạm Hoài N (tên gọi khác: Vũ L) 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 06 (S) tháng, tính kể từ ngày tuyên án 19/12/2017. (Bị cáo Phạm Hoài N (tên gọi khác: Vũ L) được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 13/4/2017).

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 248; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

3/ Xử phạt: Bị cáo Trương Minh V2 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. (Bị cáo Trương Minh V2 được khấu trừ vào thời gian đã bị tạm giữ trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 12/4/2017).

4/Xử phạt: Bị cáo Ngô Ngọc P2 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. (Bị cáo Ngô Ngọc P2 được khấu trừ vào thời gian đã bị tạm giữ trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 12/4/2017).

5/ Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị D (tên gọi khác: Kim Hoa) 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. (Bị cáo Huỳnh Thị D (tên gọi khác: Kim H), được khấu trừ vào thời gian đã bị tạm giữ trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 12/4/2017).

6/ Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Thúy H (tên gọi khác: Ph) 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. (Bị cáo Lê Thị Thúy H (tên

gọi khác: Phúc) được khấu trừ vào thời gian đã bị tạm giữ trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 12/4/2017).

7/ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. (Bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y được khấu trừ vào thời gian đã bị tạm giữ trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 06/4/2017).

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Wiefi 248; wiefi p Khoản 1 Wiefi 46 và Khoản 2 Điều 46; Điều 53; Khoản 1, Khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

8/ Xử phạt: Bị cáo Bùi Anh T2 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính kể từ ngày tuyên án 19/12/2017. (Bị cáo Bùi Anh T2 được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 05/5/2017).

9/ Xử phạt: Bị cáo Bùi Xuân Đ 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính kể từ ngày tuyên án 19/12/2017. (Bị cáo Bùi Xuân Đ được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 13/4/2017).

10/ Xử phạt: Bị cáo La Quang P1 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính kể từ ngày tuyên án 19/12/2017. (Bị cáo La Quang P1 được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 13/4/2017).

11/ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Tiên M 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính kể từ ngày tuyên án 19/12/2017. (Bị cáo Nguyễn Thị Tiên M được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 13/4/2017).

12/ Xử phạt: Bị cáo Cao Thị Thùy C 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính kể từ ngày tuyên án 19/12/2017. (Bị cáo Cao Thị Thùy C được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 19/12/2017).

13/ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị P 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính kể từ ngày tuyên án 19/12/2017. (Bị cáo Nguyễn Thị P được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 19/12/2017).

14/ Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Kim V 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính kể từ ngày tuyên án 19/12/2017. (Bị cáo Lê Thị Kim V được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 01/9/2017).

15/ Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Minh T1 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính kể từ ngày tuyên án 19/12/2017. (Bị cáo Trần Thị Minh T1 được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 12/4/2017).

16/ Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Ngọc L 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính kể từ ngày tuyên án 19/12/2017. (Bị

cáo Lê Thị Ngọc L được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 12/4/2017).

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 248; khoản m, khoản p Khoản 1 Điều 46 và Khoản 2 Điều 46; Điều 53; Khoản 1, Khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

17/ Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị S 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính kể từ ngày tuyên án 19/12/2017. (Bị cáo Huỳnh Thị S được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 06/4/2017).

- Áp dụng Khoản 4 Điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố trả tự do cho tại phiên tòa ngay sau khi tuyên án cho các bị cáo: Cao Thị Thùy C và Nguyễn Thị P, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao các bị cáo: Phạm Đức T (tên gọi khác: B), Phạm Hoài N (tên gọi khác: V2 L), Lê Thị Ngọc L, Trần Thị Minh T1, Huỳnh Thị S, Bùi Anh T2, Bùi Xuân Đ, Nguyễn Thị Tiến M, Nguyễn Thị P, La Quang P1, Lê Thị Kim V; cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Cao Thị Thùy C cho Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về hình phạt bổ sung và khoản tiền thu lợi bất chính: Áp dụng Khoản 3 Điều 249, điểm b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Buộc bị cáo Phạm Đức T (tên gọi khác: B) nộp phạt số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng và nộp lại số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có là 8.500.000 (Tám triệu năm trăm ngàn) đồng, để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Phạm Hoài N (tên gọi khác: V2 L) nộp phạt số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng và nộp lại số tiền thu lợi bất chính 490.000 (Bốn trăm chín mươi ngàn) đồng, để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên mức hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn Th, Trần Thị Cẩm V1, Nguyễn Văn T3, xử lý vật chứng và thời hạn kháng cáo.

Ngày 22/12/2017, Trương Minh V2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 28/12/2017, Huỳnh Thị D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 28/12/2017, Ngô Ngọc P2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 28/12/2017, Nguyễn Thị Hồng Y kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 28/12/2017, Lê Thị Thúy H kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 18/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị số 04/QĐ – VKS – P7 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 349/2017/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm đối với

các bị cáo Phạm Đức T, Phạm Hoài N phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo Bùi Anh T2, Bùi Xuân Đ, Huỳnh Thị S, La Quang P1, Nguyễn Thị Tiến M, Cao Thị Thùy C, Nguyễn Thị P, Lê Thị Kim V, Trần Thị Minh T1, Lê Thị Ngọc L phạm tội “Đánh Bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 248 của BLHS, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm theo hướng không khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó vào thời gian thử thách đối với các bị cáo nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Đánh giá hành vi quyết định tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục tố tụng theo qui định của pháp luật.

[2]Đánh giá hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm qua xét hỏi các bị cáo Lê Thị Thúy H, Huỳnh Thị D, Ngô Ngọc P2, Nguyễn Thị Hồng Y, và Trương Minh V2 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội D án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo H, D, P2, Y kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị cáo V2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo Th, V1, T3, T, N, C, L, Tâm, S, T2, Đ, M, P, P2, V1 không kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị số 04/QĐ – VKS – P7 ngày 18/01/2018 kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 349/2017/HSST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân Quận 8 thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo Phạm Đức T, Phạm Hoài N phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo Bùi Anh T2, Bùi Xuân Đ, La Quang P1, Nguyễn Thị Tiến M, Cao Thị Thùy C, Huỳnh Thị S, Nguyễn Thị P, Lê Thị Kim V, Trần Thị Minh T1, Lê Thị Ngọc L phạm tội “Đánh Bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 248 của BLHS, với lý do Tòa án nhân dân Quận 8 đã cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân Quận 8 lại tuyên khấu trừ thời gian tạm giam, tạm giữ trước đó của các bị cáo vào thời gian thử thách là không đúng quy định pháp luật nên kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân TP.HCM đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó vào thời gian thử thách.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung, phân tích tính chất vụ án những tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đã đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm theo hướng không được khấu trừ thời gian tạm giam, tạm giữ trước đó của các bị cáo được hưởng án treo vào thời gian thử thách đối với các bị cáo N, T2, Đ, P2, M, C, P, Kim V1, Minh T1, Ngọc L, S.

Đối với bị cáo T với vai trò chủ mưu, tổ chức cho các bị cáo đánh bạc nhưng án sơ thẩm xử phạt bị cáo T án treo là không đúng tính chất vai trò nên cần hủy mức hình phạt mà án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo để truy tố xét xử lại nhằm đánh giá chính xác vai trò hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án.

Đối với các bị cáo H, D, P2, Y, V2 có đơn kháng cáo, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, D, P2, Y sửa bản án sơ thẩm, chuyển hình phạt 2 năm tù sang hình phạt 2 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo V2 giữ nguyên mức án sơ thẩm đối với bị cáo.

Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, kết hợp với các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án xét đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận vào lúc 23 giờ 15 phút ngày 03/4/2017, phòng PC45 Công an TP. Hồ Chí Minh phối hợp cùng Đội CSĐT Tội phạm về trật tự xã hội Công an Quận 8 và Công an phường 16, Quận 8 bắt quả tang tại nhà số 17 khu phố Bờ Hàng, phường 16, Quận 8 các đối tượng gồm: Phạm Đức T cùng Phạm Hoài N đang tổ chức cho Lê Văn Th, Cao Thị Thùy C, Lê Thị Ngọc L, Trần Thị Minh T1, Huỳnh Thị S, Lê Thị Thúy H, Bùi Anh T2, Bùi Xuân Đ, Huỳnh Thị D, Ngô Ngọc P2, Nguyễn Thị Tiến M, Trần Thị Cẩm V1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thị Hồng Y, Nguyễn Thị P, La Quang P1, Lê Thị Kim V và Trương Minh V2 đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào được thua bằng tiền. Vật chứng thu giữ gồm 11 bộ bài tây loại 52 lá; 01 tấm nylon dùng làm chiếu bạc, tiền tại chiếu bạc là 6.800.000 đồng, tiền xâu để trong lon nhựa là 500.000 đồng, tiền thu giữ trong người của những người đánh bạc và Phạm Đức T là 81.130.000 đồng (trong đó thu giữ của T là 1.100.000 đồng).

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8, T và N khai nhận từ ngày 25/3/2017, T tổ chức đánh bài cào ăn tiền để lấy tiền xâu tại nhà số 17 khu phố Bờ Hàng, phường 16, Quận 8 TP. Hồ Chí Minh. T thuê cháu ruột là Phạm Hoài N phụ giúp bán nước phục vụ những người đến đánh bạc và T sử dụng tiền xâu trả công từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/ngày. Theo quy định mỗi ván làm cái thắng thì bỏ tiền xâu 50.000 đồng xâu vào lon nhựa để khi kết thúc T sẽ lấy tiền xâu. Sòng bài hoạt động từ 21 giờ đến rạng sáng ngày hôm sau nhưng có ngày chơi, ngày nghỉ. Đến khoảng 23 giờ 15 phút ngày 03/4/2017 khi Lê Văn Th đang làm cái đánh bài cào để ăn thua với 16 con bạc thì bị Công an P2 hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng như trên. T thu lợi từ việc lấy tiền xâu từ 500.000 đồng đến 1.200.000 đồng/ngày. Trong thời gian tổ chức đánh bạc, T thu lợi khoảng 8.500.000 đồng, N thu lợi khoảng 490.000 đồng.

Đối với các bị cáo Lê Văn Th, Cao Thị Thùy C, Trần Thị Minh T1, Lê Thị Ngọc L, Huỳnh Thị S, Lê Thị Thúy H, Bùi Anh T2, Bùi Xuân Đ, Huỳnh Thị D, Ngô Ngọc P2, Nguyễn Thị Tiến M, Trần Thị Cẩm V1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thị Hồng Y, Nguyễn Thị P, La Quang P1, Lê Thị Kim V và Trương Minh V2 đã tham gia đánh bạc trái phép (bài cào 3 lá) khi bị bắt quả tang thu giữ tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là trên 50.000.000 đồng.

Với các hành vi như đã nêu trên của các bị cáo xét thấy án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Đức T, bị cáo Phạm Hoài N về tội “Tổ chức đánh bạc” theo

khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 1999, các bị cáo Th, C, L, T1, S, H, T2, Đ, D, P2, M, V1, T3, Y, P, P2 và V2 về tội “Đánh bạc” ” theo khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có cơ sở đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng không những đã xâm hại đến tình hình trật tự an toàn xã hội mà còn tiếp tay cho tệ nạn cờ bạc phát triển nên cần xử phạt các bị cáo nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa.

Trong vụ án này bị cáo T giữ vai trò chính là người chủ mưu, cầm đầu đứng ra tổ chức đánh bài ăn tiền để lấy tiền tiêu nên án sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, tuy nhiên án sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo với thời gian thử thách theo luật định nhưng lại khấu trừ thời gian tạm giữ trước vào thời gian thử thách là không đúng quy định pháp luật. Mặt khác, khi bắt quả tang bị cáo T tổ chức đánh bạc với 01 số lượng người tham gia đánh bạc có quy mô lớn, bị cáo có thuê mướn người phụ giúp cho bị cáo, cung cấp các phương tiện phạm tội, do đó để xem xét đánh giá chính xác hành vi của bị cáo với vai trò người chủ mưu nhằm có đường lối xét xử đúng pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị Quyết 01/2013/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành ngày 06/11/2013 hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 về chế định án treo cần hủy án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo T để truy tố xét xử lại theo thủ tục chung như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Đối với bị cáo Phạm Hoài N phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo T trong hành vi “Tổ chức đánh bạc” án sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 1999, các bị cáo Bùi Anh T2, La Quang P1, Bùi Xuân Đ, Nguyễn Thị Tiến M, Cao Thị Thùy C, Nguyễn Thị P, Lê Thị Kim V, Trần Thị Minh T1, Lê Thị Ngọc L, Huỳnh Thị S phạm tội “Đánh bạc” án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người đúng tội đồng thời án sơ thẩm cần nhắc về vai trò tham gia nên áp dụng khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Nghị Quyết 01/2013/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành ngày 06/11/2013 cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là phù hợp. Tuy nhiên, việc Tòa án nhân dân Quận 8 lại tuyên khấu trừ thời gian mà các bị cáo bị tạm giữ trước đó vào thời gian thử thách là không đúng quy định theo hướng dẫn của Công văn số 27/TANDTC-KHXX ngày 17/2/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận một phần kháng nghị số 04/QĐ – VKS – P7 ngày 18/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm không khấu trừ thời gian mà các bị cáo đã bị tạm giữ trước đó vào thời gian thử thách đối với các bị cáo nêu trên.

[3] Đối với các bị cáo H, D, P2, Y kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị cáo V2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H trình bày bị cáo hiện nay đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn labcare (có giấy xác nhận của công ty), có đơn xin xác nhận

hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo P2 có đơn xác nhận đang nuôi cha già 95 tuổi là lao động chính trong gia đình (có xác nhận của chính quyền địa phương) bị cáo D đã ly thân chồng hiện đang nuôi con nhỏ, bị cáo Y có nơi cư trú rõ ràng, có con nhỏ số tiền tham gia đánh bạc không lớn. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo H, D, P2, Y có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự có thái độ khai báo thành khẩn tỏ ra ăn ăn hối cải. Các bị cáo không phải là người chủ mưu, quá trình tại ngoại chấp hành tốt pháp luật không có vi phạm do đó xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù giam, mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của các bị cáo Trương Minh V2 xét thấy số tiền bị cáo tham gia đánh bạc lớn, tại phiên tòa hôm nay bị cáo không trình bày tình tiết gì mới và án sơ thẩm cũng đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo nghĩ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 2 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Phạm Đức T).

Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (đối với các bị cáo Lê Thị Thúy H, Huỳnh Thị D, Ngô Ngọc P2, Nguyễn Thị Hồng Y).

Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (đối với bị cáo Trương Minh V2).

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (đối với các bị cáo Phạm Hoài N, Bùi Anh T2, Bùi Xuân Đ, La Quang P1, Nguyễn Thị Tiến M, Cao Thị Thùy C, Nguyễn Thị P, Lê Thị Kim V, Trần Thị Minh T1, Lê Thị Ngọc L, Huỳnh Thị S).

Hủy 01 phần bản án hình sự sơ thẩm số 349/HSST ngày 19/12/2017 đối với bị cáo Phạm Đức T. Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 để truy tố xét xử lại theo thủ tục chung đối với bị cáo T.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Thúy H, Huỳnh Thị D, Ngô Ngọc P2, Nguyễn Thị Hồng Y đối với các bị cáo và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Minh V2, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Tuyên bố bị cáo Phạm Hoài N (tên gọi khác: V2 L) phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tuyeh bograc bxcao Cao Thị Thùy C, Lê Thị Ngọc L, Trần Thị Minh T1, Huỳnh Thị S, Lê Thị Thúy H (tên gọi khác: Ph), Bùi Anh T2, Bùi Xuân Đ, Huỳnh Thị D (tên gọi khác: Kim H), Ngô Ngọc P2, Nguyễn Thị Tiến M, Nguyễn Thị Hồng Y, Nguyễn Thị P, La Quang P1, Lê Thị Kim V và Trương Minh V2 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 249; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Khoản 1, Khoản 2 Điều 60; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hoài N (tên gọi khác: Vũ L) 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 06 (S) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Wiefi 248; wiefi p Khoản 1 Wiefi 46; Điều 53 của Bojluaị hmh sl năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt: Bị cáo Trương Minh V2 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng có khấu trừ thời gian đã bị tạm giam trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 12/4/2017).

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Wiefi 248; wiefi p Khoản 1 Wiefi 46; Điều 53 khoản 1 khoản 2 Điều 60 của Bojluaị hmh sl năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt:

- Bị cáo Bùi Anh T2 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Bùi Xuân Đ 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo La Quang P1 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Nguyễn Thị Tiến M 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Cao Thị Thùy C 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Nguyễn Thị P 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Lê Thị Kim V 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Trần Thị Minh T1 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Lê Thị Ngọc L 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Huỳnh Thị S 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Lê Thị Thúy H (tên gọi khác: Ph) 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Ngô Ngọc P2 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Huỳnh Thị D (tên gọi khác: Kim Hoa) 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Nguyễn Thị Hồng Y 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo)

Các bị cáo Phạm Đức T, Phạm Hoài N, Cao Thị Thùy C, Lê Thị Ngọc L, Trần Thị Minh T1, Huỳnh Thị S, Lê Thị Thúy H, Bùi Anh T2, Bùi Xuân Đ, Huỳnh Thị D, Ngô Ngọc P2, Nguyễn Thị Tiến M, Nguyễn Thị Hồng Y, Nguyễn Thị P, La Quang P1, Lê Thị Kim V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Trương Minh V2 nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 8; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (17)
- Trại giam; (34)
- Chi cục THA Quận 8; (1)
- TAND Quận 8; (2)
- Công an Quận 8; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (17)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Việt Tiên